

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16-01-2025

V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con  
và chia tài sản sau khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Lành và ông Trần Hữu Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện diện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Quỳnh A - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại hội trường xét xử 01 - Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2024/TB-TLVA ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp thay đổi quyền trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Tổ C, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1952, đề nghị Tòa án không triệu tập và từ chối tham gia tố tụng.

Địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2024 và các bản khai tại Tòa án, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L trình bày:*

Chị kết hôn với anh Phạm Ngọc D năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 19/8/2024, chị ly hôn với anh Phạm Ngọc D theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 351/2024/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Theo Quyết định trên, về con chung chị và anh D thỏa thuận giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 đến khi cháu Bảo A1 đủ 18 tuổi, chị có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung. Phần tài sản chung vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì khi giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị và anh D đã có văn bản tự thỏa thuận với nhau tự chia đất, nhà và các tài sản sinh hoạt trong gia đình nên đã không khai tại Tòa án. Đối với con chung chị và anh D thỏa thuận giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Nhưng từ khi chị và anh D ly hôn đến nay anh D thường xuyên bỏ con ở nhà một mình, đặc biệt là trong những ngày bão lũ vừa qua bỏ con ở nhà một mình ba ngày không chăm nom chăm sóc, thường xuyên đi chơi đến 11 – 12 đêm mới về nhà, bắt con nghỉ không cho đi học thêm và thường vắng tục chửi bậy trước mặt con trẻ.

Đến nay chị và anh D không thể thỏa thuận với nhau về việc tự chia tài sản, việc anh D chăm nom, giáo dục con không đảm bảo nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết như sau:

- Chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của chị và anh D có trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích: 89 m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 731249 ngày 30/11/2010 mang tên anh Phạm Ngọc D và chị Hà Thị L. Trên đất có nhà xây cấp bốn, 2 tầng và toàn bộ tài sản sinh hoạt trong gia đình.

- Đề nghị Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, giao cho chị được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012. Không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

*Bị đơn anh Phạm Ngọc D trình bày tại các bản khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa:* Anh đồng ý với phần trình bày của chị L về thời gian kết hôn, thời gian ly hôn là đúng. Tại thời điểm ly hôn, anh và chị L có tài sản chung các bên tự thỏa thuận giải quyết ngoài Tòa án. Sau khi anh và chị L ly hôn cháu Bảo A1 sống cùng anh. Từ khi chị L làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản sau ly hôn chị L đã đón cháu Bảo A1 về sống cùng chị L, cháu không còn ở với anh nữa, anh đến trường tìm đón con cũng không gặp. Do đặc thù công việc của anh thời gian không được linh động, nên không thể lúc nào cũng đi tìm đưa đón con thường xuyên được. Hiện nay cháu Bảo A1 đã về ở với chị L, nên anh đồng ý để chị L nuôi cháu Phạm Hà Bảo A1, nhưng chị L phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con cái cho tốt. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung của anh và chị L sau khi ly hôn, anh đề nghị giao toàn bộ nhà, đất và sản sinh hoạt gia đình cho chị L quản lý sử dụng, đề nghị chị L trích chia cho

anh 750.000.000 đồng. Nếu chị L không đồng ý nhận tài sản bằng hiện vật, anh sẽ nhận toàn bộ tài sản và trích chia cho chị L  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 28/11/2024.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của chị L, anh D là con rể. Năm 2009, ông mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20M5-7570 tên đăng ký mang tên ông là Hà Văn T. Thời điểm đó chị L và anh D không có phương tiện đi lại để đi làm và đưa con đi học nên ông đã cho chị L mượn chiếc xe của ông từ đó đến nay. Nay chị L và anh D đã ly hôn và đề nghị Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, đối với chiếc xe ông cho chị L mượn là tài sản của ông, hiện nay chiếc xe này đang để ở nhà anh D ông đề nghị chị L và anh D trả lại cho ông để ông quản lý sử dụng. Do tuổi cao, đi lại không thuận tiện ông đề nghị Tòa án không triệu tập ông đến Tòa án và từ chối tham gia tố tụng.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 33, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với anh Phạm Ngọc D.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 đến khi cháu Bảo A1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho chị Hà Thị L được quyền quản lý, sử dụng 01 xe mô tô SH trị giá 46.000.000 đồng; anh Phạm Ngọc D có trách nhiệm trích chia cho chị L giá trị tài sản bằng tiền là 300.000.000 đồng.

+ Giao cho anh D quản lý sử dụng thửa đất số thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 4 địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích: 89 m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 731249 ngày 30/11/2010 mang tên anh Phạm Ngọc D và chị Hà Thị L và 01 ngôi nhà xây cấp 4, hai tầng, 01 nhà bếp xây trên thửa đất số thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 4 và các tài sản sinh hoạt trong gia đình còn lại.

+ Anh D có trách nhiệm trả lại cho ông Hà Văn T chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 20M5-7570 tên đăng ký Hà Văn T.

- Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con, bị đơn là anh Phạm Ngọc D có hộ khẩu thường trú tại: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tài sản tranh chấp là bất động sản và tài sản sinh hoạt có trong thời kỳ hôn nhân của chị L và anh D tại tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

#### **[2]. Về nội dung tranh chấp:**

Chị L và anh D có đăng ký kết hôn năm 2004, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ngày 30/11/2010, L và anh D được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất 2057, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích: 89 m<sup>2</sup>, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị, nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 731249 mang tên anh Phạm Ngọc D và chị Hà Thị L. Năm 2023, chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 351/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã giải quyết về quan hệ vợ chồng, con chung, cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn chị L cho rằng anh D không có trách nhiệm, bỏ bê con cái, không cho con đi học thêm và không tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản sau ly hôn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết.



Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải chị L và anh D thỏa thuận nhất trí để chị L nuôi cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị L và anh D đã thỏa thuận để anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu chị L đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Do vậy, xét cần công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D, giao cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 cho anh Phạm Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Sau khi ly hôn, chị L và anh D không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết chia tài sản chung nên ngày 22/9/2024 chị L khởi kiện yêu cầu chia các tài sản chung giữa chị và anh D là 01 thửa đất, nhà, các tài sản sinh hoạt trong gia đình tại tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Về nguồn gốc đất thừa đất số 2057, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 89m<sup>2</sup> anh D và chị L đều xác nhận có nguồn gốc là của mẹ đẻ anh D cho anh chị. Đối với ngôi nhà, các tài sản sinh hoạt trong gia đình có nguồn gốc do chị L và anh D cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 213 Bộ luật dân sự 2015 tài sản trên là tài sản chung của chị L và anh D. Tại thời điểm giải quyết vụ án chị L và anh D không xác định được giá trị các tài sản đang tranh chấp nên chị L đề nghị Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2024 xác định: Thửa đất số 2057, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích: 89 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*diện tích theo Bản đồ địa chính năm 2016 và diện tích theo hiện trạng có diện tích 102,9m<sup>2</sup> theo sơ đồ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1*) có tứ cận:

- + Phía Nam giáp thửa 259;
- + Phía Tây giáp đường dân sinh;
- + Phía Đông giáp thửa 251;
- + Phía Bắc giáp thửa 244.

Hiện trạng trên đất có: 01 nhà xây, tầng 1 xây dựng năm 2005, cải tạo xây tầng 2, tum và chống nóng năm 2009, mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch liên doanh có diện tích 56,1m<sup>2</sup>; 01 nhà bếp xây dựng năm 2012, mái đổ bê tông cốt thép, nền lát gạch liên doanh, trên tầng 2 lợp tôn chống nóng có diện tích 21,9m<sup>2</sup>.

Các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 dàn máy cắt nhôm to mua năm 2022; 01 máy phay mua năm 2022; 01 máy đột dập mua năm 2022; 01 máy hơi mua năm 2022; 01 máy cắt sắt mua năm 2020; 01 máy nhôm nhỏ mua năm 2018; 01 máy hàn Inox mua năm 2021; 02 máy hàn sắt mua năm 2022; 01 máy khoan bàn mua 2020; 01 Tivi LG mua năm 2024; 01 bộ giàn loa karaoke mua năm 2022, âm ly mua năm 2022; 03 máy điều hòa nhiệt độ Panasonic năm 2018, 2020 và 2024; 01 máy giặt cửa ngang mua năm 2020; 01 tủ lạnh mua năm 2018; 01 bếp từ mua năm 2023; 02 bình nóng lạnh;

01 bộ bàn ghế gỗ xà cừ mua năm 2019; 01 tủ nhôm; 01 tủ gỗ; 01 máy hút bụi mua năm 2023; 01 nồi chiên không dầu mua năm 2023; 01 nồi hầm mua năm 2023; 01 nồi cơm điện mua năm 2023; 01 xe mô tô SH; 01 xe mô tô AIRBLADE mua năm 2008 (xe đăng ký tên ông Hà Văn T); 01 xe mô tô WAVES.

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/11/2024, Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các quy định của pháp luật xác định tổng tài sản chung của chị L và anh D trong thời kỳ hôn nhân là 729.534.740 đồng sau khi đã trừ khấu hao (bao gồm chiếc xe mô tô Honda BKS 20M5-7570 tên đăng ký Hà Văn T), cụ thể:

- Thửa đất 2057 tờ bản đồ số 4 diện tích theo giấy chứng nhận là 89m<sup>2</sup> (theo hiện trạng và theo bản đồ địa chính năm 2016 có diện tích 102,9m<sup>2</sup>) có vị trí thuộc ngách số A ngõ S, trục phụ đường P thuộc tổ H, phường P có trị giá 2.210.000<sup>d</sup>/1m<sup>2</sup>: 102,9m<sup>2</sup> x 2.210.000<sup>d</sup> = 227.409.000 đồng.

**- Nhà ở:**

- + Nhà xây 56,1m<sup>2</sup> trị giá 160.816260 đồng;
- + Tum và chống nóng bằng tôn trị giá 8.639.400 đồng;
- + Nền lát gạch 100m<sup>2</sup> trị giá 11.836.000 đồng;
- + Nền láng xi măng trị giá 1.258.400 đồng;

**- Nhà bếp xây dựng năm 2012:**

- + Diện tích xây dựng 21,9m<sup>2</sup> trị giá 79.899.960 đồng;
- + Nền lát gạch liên doanh 40m<sup>2</sup> trị giá 6.025.600 đồng,
- + Tôn chống nóng có diện tích 22m<sup>2</sup> trị giá 2.365.440 đồng;
- + Mái tôn đua xây năm 2015 11m<sup>2</sup> trị giá 844.800 đồng;
- + Sân lát gạch đỏ 11m<sup>2</sup> trị giá 1.001.880 đồng.
- 01 dàn máy cắt nhôm to mua năm 2022 trị giá 63.750.000 đồng
- 01 máy phay mua năm 2022 trị giá 15.750.000 đồng.
- 01 máy đột dập mua 2022 trị giá 12.000.000 đồng
- 01 máy hơi mua năm 2022 trị giá 6.750.000 đồng;
- 01 máy cắt sắt mua năm 2020 trị giá 2.000.000 đồng;
- 01 máy cắt nhôm nhỏ mua năm 2018 trị giá 1.150.000 đồng;
- 01 máy hàn Inox mua năm 2021 trị giá 2.852.000 đồng;
- 02 máy hàn sắt mua năm 2022 trị giá 4.500.000 đồng;
- 01 máy khoan bàn mua 2020 trị giá 1.750.000 đồng;
- 01 Tivi LG mua năm 2024 trị giá 6.800.000 đồng;
- 01 bộ giàn loa karaoke mua năm 2022 trị giá 9.600.000 đồng;

- 03 máy điều hòa nhiệt độ panasonic năm 2018, 2020 và 2024 trị giá 14.400.000 đồng;

- 01 máy giặt cửa ngang mua năm 2020 trị giá 2.600.000 đồng;

- 01 tủ lạnh LG mua năm 2018 trị giá 2.400.000 đồng;

- 01 bếp từ mua năm 2023 trị giá 7.000.000 đồng;

- 02 bình nóng lạnh P mua năm 2020, 2022 trị giá 1.600.000 đồng;

- 01 bộ bàn ghế gỗ xà cừ mua năm 2019 trị giá 2.660.000 đồng;

- 01 tủ nhôm mua năm 2020 trị giá 6.000.000 đồng;

- 01 tủ gỗ mua năm 2021 trị giá 1.736.000 đồng;

- 01 máy hút bụi mua năm 2023 trị giá 2.240.000 đồng;

- 01 nồi chiên không dầu mua năm 2023 trị giá 1.400.000 đồng;

- 01 nồi hầm mua năm 2023 trị giá 1.050.000 đồng;

- 01 nồi cơm điện mua năm 2023 trị giá 1.050.000 đồng;

- 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 20B2- 1239.25 tên đăng ký Hà Thị L trị giá 46.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô AIRBLADE mua năm 2009, biển kiểm soát 20M5-7570 tên đăng ký Hà Văn T trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô WAVES mua năm 2008 biển kiểm soát 20M3-7538 tên đăng ký Phạm Ngọc D trị giá 4.400.000 đồng.

Căn cứ kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định tài sản chung của chị L và anh D là 721.534.740 đồng. Tài sản của ông Hà Văn T là 8.000.000 đồng.

Do không nhất trí với giá trị nhà và đất do Hội đồng định giá định giá chị L tự định giá giá trị thửa đất và nhà (*gồm cả nhà 2 tầng và nhà bếp*) theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án là 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải chị L và anh D thống nhất giá trị nhà và đất là 1.500.000.000 đồng. Anh D đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ tài sản như trong biên bản thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2024 cho chị L quản lý sử dụng, chị L có trách nhiệm trích chia cho anh 750.000.000 đồng tương đương với 1/2 giá trị tài sản mà anh và chị L đã thống nhất định giá tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2024 là 1.500.000.000 đồng. Chị L không nhất trí, đề nghị giao toàn bộ tài sản cho anh D và đề nghị được chia chiếc xe mô tô SH hiện nay chị đang quản lý sử dụng và đề nghị anh D trích chia tiền mặt cho chị 600.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa chị L và anh D thỏa thuận:*

- Về con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 đến khi cháu Bảo A1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Giao cho chị L quản lý sử dụng 01 xe mô tô SH biển kiểm soát 20B2- 1239.25 tên đăng ký Hà Thị L trị giá 46.000.000 đồng, anh D trích chia cho chị L 300.000.000 đồng tiền mặt. Giao toàn bộ nhà, đất và tài sản sinh hoạt trong gia đình còn lại cho anh D quản lý sử dụng.

Xét sự thỏa thuận giữa chị L và anh D là tự nguyện, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D.

[3]. Đối với chiếc xe mô tô Honda mua năm 2009, biển kiểm soát 20M5-7570 tên đăng ký Hà Văn T (*bố đẻ chị L*) có trị giá 8.000.000 đồng. Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T có đơn gửi đến Tòa án và viết bản tự khai đề nghị Tòa án xem xét buộc chị L trả cho ông chiếc xe này vì đây là tài sản ông cho chị L mượn để đi lại. Tại phiên tòa chị L nhất trí trả cho ông T, tuy nhiên hiện nay chiếc xe trên anh D đang quản lý, sử dụng chị đề nghị anh D có trách nhiệm trả cho ông T. Tại phiên tòa anh D xác định, chiếc xe trên mang tên ông T hiện nay anh đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, anh D trình bày tiền mua chiếc xe trên là tiền của anh và chị L và nhờ ông T đứng tên, nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc nhờ ông T nộp cho Tòa án. Nay ông T đề nghị anh trả lại chiếc xe trên cho ông T quản lý, sử dụng anh nhất trí và giao nộp cho Tòa án đăng ký xe mang tên ông T tại phiên tòa. Xét thấy, chiếc xe trên là tài sản của ông T, chị L và anh D đều nhất trí, tự nguyện trả lại ông T chiếc xe trên, đồng thời chiếc xe hiện nay anh D đang quản lý sử dụng. Do đó, anh D có trách nhiệm trả lại cho ông T chiếc xe mà anh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và 165 BLTTDS buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Nguyên đơn chị L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 15.000.000 đồng. Tòa án đã chi phí cho việc xác minh thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo vẽ hiện trạng và đã chi phí hết 8.600.000 đồng, số tiền tạm ứng còn thừa là 6.400.000 đồng đã thanh toán trả cho chị L tại bút lục số 56. Các đương sự được chia tài sản, phải chịu chi phí tố tụng ngang bằng nhau.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[6]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L.



Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 33, 59, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. *Về con chung:* Chị Hà Thị L và anh Phạm Ngọc D thỏa thuận giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hà Bảo A1, sinh ngày 14/5/2012 đến khi cháu Bảo A1 đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Hà Thị L và anh Phạm Ngọc D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản:* Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hà Thị L và anh Phạm Ngọc D về phân chia tài sản chung của anh chị sau khi ly hôn cụ thể như sau:

\* Giao cho chị Hà Thị L quản lý sử dụng:

- 01 xe mô tô SH Biển kiểm soát 20B2-1239.25 tên đăng ký Hà Thị L trị giá 46.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị L được hưởng (*bằng hiện vật*) là **46.000.000** (*bốn mươi sáu triệu*) đồng.

\* Giao cho anh Phạm Ngọc D quản lý sử dụng các tài sản sau:

- Thửa đất 2057 tờ bản đồ số 4, diện tích theo giấy chứng nhận là 89m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị (*theo hiện trạng và theo bản đồ địa chính năm 2016 có diện tích 102,9m<sup>2</sup>*) có vị trí thuộc ngách số A ngõ S, trục phụ đường P thuộc tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 731249, vào sổ cấp GCN số CH00313/NCN ngày 30/11/2010 mang tên ông Phạm Ngọc D và bà Hà Thị L có trị giá 227.409.000 đồng theo sơ đồ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1.

(*có sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo*)

- 01 nhà ở trên thửa đất 2057 tờ bản đồ số 4, cụ thể: Nhà xây 56,1m<sup>2</sup> trị giá 160.816.260 đồng; Tum và chống nóng bằng tôn trị giá 8.639.400 đồng; Nền lát gạch 100m<sup>2</sup> trị giá 11.836.000 đồng; Nền láng xi măng 55m<sup>2</sup> trị giá 1.258.400 đồng;

- 01 nhà bếp trên thửa đất 2057 tờ bản đồ số 4, cụ thể: Diện tích xây dựng 21,9m<sup>2</sup> trị giá 79.899.960 đồng; Nền lát gạch liên doanh 40m<sup>2</sup> trị giá 6.025.600 đồng; Tôn chống nóng có diện tích 22m<sup>2</sup> trị giá 2.365.440 đồng; Mái tôn đua xây năm 2015, 11m<sup>2</sup> trị giá 844.800 đồng; Sân lát gạch đỏ 11m<sup>2</sup> trị giá 1.001.880 đồng.

- 01 dàn máy cắt nhôm to mua năm 2022 trị giá 63.750.000 đồng

- 01 máy phay mua năm 2022 trị giá 15.750.000 đồng.

- 01 máy đột dập mua 2022 trị giá 12.000.000 đồng

- 01 máy hơi mua năm 2022 trị giá 6.750.000 đồng;
- 01 máy cắt sắt mua năm 2020 trị giá 2.000.000 đồng;
- 01 máy cắt nhôm nhỏ mua năm 2018 trị giá 1.150.000 đồng;
- 01 máy hàn Inox mua năm 2021 trị giá 2.852.000 đồng;
- 02 máy hàn sắt mua năm 2022 trị giá 4.500.000 đồng;
- 01 máy khoan bàn mua 2020 trị giá 1.750.000 đồng;
- 01 Tivi LG mua năm 2024 trị giá 6.800.000 đồng;
- 01 bộ giàn loa karaoke mua năm 2022 trị giá 9.600.000 đồng;
- 03 máy điều hòa nhiệt độ panasonic năm 2018, 2020 và 2024 trị giá 14.400.000 đồng;
- 01 máy giặt cửa ngang mua năm 2020 trị giá 2.600.000 đồng;
- 01 tủ lạnh LG mua năm 2018 trị giá 2.400.000 đồng;
- 01 bếp từ mua năm 2023 trị giá 7.000.000 đồng;
- 02 bình nóng lạnh P mua năm 2020, 2022 trị giá 1.600.000 đồng;
- 01 bộ bàn ghế gỗ xà cừ mua năm 2019 trị giá 2.660.000 đồng;
- 01 tủ nhôm mua năm 2020 trị giá 6.000.000 đồng;
- 01 tủ gỗ mua năm 2021 trị giá 1.736.000 đồng;
- 01 máy hút bụi mua năm 2023 trị giá 2.240.000 đồng;
- 01 nồi chiên không dầu mua năm 2023 trị giá 1.400.000 đồng;
- 01 nồi hầm mua năm 2023 trị giá 1.050.000 đồng;
- 01 nồi cơm điện mua năm 2023 trị giá 1.050.000 đồng;
- 01 xe mô tô WAVES mua năm 2008 BKS 20M3-7538 tên đăng ký Phạm Ngọc D trị giá 4.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh D được hưởng (*bằng hiện vật*) là: **675.534.740** (*sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm bốn mươi*) đồng.

- Anh Phạm Ngọc D trích chia cho chị Hà Thị L **300.000.000** (*ba trăm triệu*) đồng tiền mặt.

- Phần giá trị tài sản chung anh D được chia sau khi trích chia còn lại là **375.534.470** (*ba trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi*) đồng.

- Phần giá trị tài sản chung chị L được chia sau khi được trích chia là **346.000.000** (*ba trăm bốn mươi sáu triệu*) đồng.

(*Chị Hà Thị L và anh Phạm Ngọc D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh Phạm Ngọc D theo quy định pháp luật*).

4. *Về tài sản mượn*: Anh Phạm Ngọc D nhất trí trả cho ông Hà Văn T (*bố đẻ chị L*) 01 chiếc xe mô tô tên chủ xe Hà Văn T - Địa chỉ: TDP T, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, số máy F18E-5379278, số khung Y771708, nhãn hiệu Honda, loại xe nữ, màu Đỏ - Đen, biển số đăng ký 20M5-7570 đăng ký ngày 16/3/2009 có trị giá 8.000.000 (*tám triệu*) đồng.

5. *Về chi phí tố tụng*: Chị Hà Thị L và anh Phạm Ngọc D mỗi người phải chịu 4.300.000 (*bốn triệu ba trăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và chi phí đo vẽ hiện trạng. Chị L đã nộp tạm ứng và đã chi phí 8.600.000 đồng. T1 của anh D 4.300.000 đồng (*bốn triệu ba trăm nghìn*) đồng để trả cho chị L.

6. *Về án phí*: Chị Hà Thị L phải chịu 17.300.000 (*mười bảy triệu ba trăm nghìn*) đồng án phí chia tài sản theo giá ngạch, được trừ vào số tiền 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003300 ngày 215/10/2024. Chị L còn phải nộp tiếp 6.038.368 (*sáu triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi tám*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

Anh Phạm Ngọc D phải chịu 18.776.723 (*mười tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi ba*) đồng án phí chia tài sản theo giá ngạch sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

7. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND phường Phú Xá;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Hương**

